

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 14/1998/QĐ-TTg

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 1998

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển

kinh tế - xã hội vùng Duyên hải Nam Trung Bộ giai đoạn từ nay đến năm 2010

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 4246-NN/KH/TTr ngày 22-11-1 997 và đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Thẩm định Nhà nước về các dự án đầu tư tại Công văn số 8530-HĐTD ngày 31-12-1997,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng duyên hải Nam - Trung Bộ gồm thành phố Đà Nẵng và các tỉnh: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa giai đoạn từ nay đến năm 2010, với những nội dung chính như sau:

I. ĐỊNH HƯỚNG CHUNG

- Lấy công nghiệp làm trọng tâm đột phá phát triển kinh tế vùng theo hướng sắp xếp lại cơ cấu ngành nhằm phát triển các nhóm ngành chủ đạo, có lợi thế về nguồn nguyên liệu gắn với tài nguyên các cảng nước sâu, hình thành các khu công nghiệp tập trung, trước hết là dải Liên Chiểu - Đà Nẵng - Dung Quất và Nha Trang - Diên Khánh - Cam Ranh. Hướng mạnh về công nghiệp chế biến sản phẩm xuất khẩu, coi trọng đầu tư chiều sâu, ưu tiên quy mô vừa và nhỏ kết hợp quy mô lớn có trọng điểm thu hút nhiều lao động.
- Tập trung phát triển ngành kinh tế biển để trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Phát triển nhanh nuôi trồng thủy, hải sản, chú trọng các đặc sản

Xây dựng và khai thác các cảng nước sâu để phát triển vận tải, dịch vụ cảng gắn với xây dựng các khu công nghiệp tập trung Liên Chiểu - Đà Nẵng - Dung Quất và Văn Phong - Nha Trang - Cam Ranh.

3. Phát triển du lịch quốc tế và nội độ với nhiều hình thức.

4. Phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng bảo vệ sinh thái bền vững; giải quyết vững chắc an toàn lương thực, tập trung phát triển nhanh một số cây công nghiệp ngắn và dài ngày; phát triển chăn nuôi đàn gia súc làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến; coi trọng bảo vệ và phát triển vốn rừng, gắn với giữ gìn cảnh quan và môi trường sinh thái.

5. Đi đôi với phát triển kinh tế, chú ý phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật và cơ sở xã hội, bảo vệ sức khỏe, chống ô nhiễm môi trường, nhất là tại những vùng trọng điểm phát triển công nghiệp, du lịch, dịch vụ; cải thiện điều kiện sống và hạ tỷ lệ tăng dân số với mức 0,1%/ năm. Phát triển kinh tế - xã hội phải gắn với củng cố quốc phòng, an ninh quốc gia.

II. MỤC TIÊU CƠ BẢN

1. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế vùng thời kỳ 1998 - 2000 đạt 11,5% năm và đạt 12 - 13,5%/năm; thời kỳ 2001-2010. GDP bình quân đầu người khoảng 330 -345 USD vào năm 2000 và 770 - 810 USD vào năm 2010, trong đó Khu vực kinh tế trọng điểm Liên Chiểu - Đà Nẵng - Dung Quất đạt từ 400 - 450 USD năm 2000 và đạt từ 920 - 1200 USD năm 2010.

2. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế của vùng theo hướng công nghiệp hiện đại hóa: tăng tỷ trọng công nghiệp từ 25 - 27% năm 2000 và 35-39% năm 2010, dịch vụ du lịch chiếm 45 - 48% năm 2000 và tăng lên 45 - 49% năm 2010, nông nghiệp 17-19% năm 2000 và 9 - 10% năm 2010

3. Giá trị kim ngạch xuất khẩu tăng với nhịp độ từ 25 - 30% năm.

Phát triển các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế văn hóa, xã hội, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng lao động theo yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế và cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

III. NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN NGÀNH

1. Về công nghiệp:

Phát triển nhanh công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp lọc dầu; khai thác tài nguyên khoáng sản (sa khoáng nặng, đá áp lát, cát thủy tinh, nước khoáng...), phát triển công nghiệp chế biến

nông, lâm sản..., thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng, nâng cao năng lực đánh bắt hải sản và công nghiệp chế biến thủy, hải sản, nhất là chế biến xuất khẩu, đầu tư cho ngành cơ khí, chủ yếu là sửa chữa và đóng tàu thuyền; phát triển ngành công nghiệp dệt, da, may..., phục vụ đời sống và xuất khẩu.

Từng bước đầu tư tập trung dứt điểm cho các khu công nghiệp với công nghệ tiên tiến nhằm đạt hiệu quả cao.

Phát triển các ngành công nghiệp và các khu công nghiệp nhằm tạo động lực cho toàn vùng tiến kịp nhịp độ phát triển chung của cả nước.

2. Về nông nghiệp, lâm nghiệp thủy, hải sản:

Về nông nghiệp: Phấn đấu giữ mức tăng trưởng trên cơ sở chuyển dịch cơ cấu sản xuất theo hướng thâm canh tăng vụ tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa; phát huy các công trình thủy lợi hiện có xây dựng các chương trình mới để thâm canh, kết hợp mở rộng diện tích nhằm từng bước thực hiện mục tiêu an toàn lương thực và góp phần tham gia xuất khẩu; chú trọng phòng chống thiên tai, bão lụt, phát triển các cây công nghiệp ngắn ngày như mía, lạc, thuốc lá và cây công nghiệp dài ngày: điều dứa, cà phê, chè, cao su, ca cao, hồ tiêu, tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến; phát triển nông nghiệp kết hợp với lâm nghiệp, vườn đồi tạo môi trường phát triển bền vững, chú trọng trồng cây ăn quả phục vụ đời sống, tạo cảnh quan, môi trường cho du lịch.

Phát triển mạnh và đưa chăn nuôi thành ngành sản xuất hàng hóa, phấn đấu tỷ trọng chăn nuôi trong giá trị sản lượng nông nghiệp đến năm 2000 đạt trên 30% và đạt 40 - 45% vào năm 2010, đẩy mạnh chăn nuôi bò thịt, bò sữa, đàn lợn và gia cầm.

Về lâm nghiệp: Bảo vệ 897.000 ha rừng tự nhiên hiện có, quản lý và chăm sóc 71.700 ha rừng đã trồng, sử dụng khoảng trên 1 triệu ha đất trồng, đồi núi trọc vào trồng rừng để đưa đất sử dụng trong lâm nghiệp lên khoảng 2,1 triệu ha, trong đó;

Hệ thống rừng sản xuất khoảng 1,3 triệu ha.

Hệ thống rừng phòng hộ khoảng 0,71 triệu ha.

Hệ thống rừng đặc dụng khoảng 0,23 triệu ha.

Nâng tỷ lệ che phủ lên 44 - 45 năm 2000 và 62 - 68% năm 2010.